TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NGHĨA HÀNH** **TỈNH QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 15 - 5 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NGHĨA HÀNH, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Chí Ngãi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Kim An;

2. Bà Nguyễn Thị Ánh Nga.

- ***Thư ký phiên tòa***: Ông Trần Tiến Dũng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 11 năm 2024 về việc "Ly hôn," theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 31 tháng 3 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 27/2025/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm: 1971.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

2. Bị đơn: Ông Đoàn Văn C, sinh năm: 1969.

Địa chỉ thường trú: Thôn Đ, xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

Địa chỉ: Số nhà ……. Quốc lộ 13, khu phố 6, phường Hiệp Bình Phước, thành phố Thủ Đức, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bà Nguyễn Thị H, vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt; ông Đoàn Văn C, vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 11 tháng 11 năm 2024 và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Nguyễn Thị , trình bày:

Bà Nguyễn Thị H và ông Đoàn Văn C tự nguyện kết hôn và có đăng ký tại Ủy ban nhân dân xã Hành Phước, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi số 27 ngày 28 tháng 5 năm 1992. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 4 năm 2005, phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm; vợ chồng thường xuyên cãi vã, sống không có hạnh phúc và vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 4 năm 2005 cho đến nay. Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa bà H và ông C không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn đối với ông C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Đoàn Trọng U, sinh ngày 29/9/1992, đã đủ 18 tuổi và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng không ai cũng như không ai nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn, ông Đoàn Văn C trình bày:

Theo đơn phản hồi ngày 08 tháng 12 năm 2024, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông C đồng ý ly hôn (Nhưng xin Tòa dời lại thời gian đợi con trai lập gia đình xong giờ ấy mới ký tên)

- Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Trọng U, sinh ngày 29/9/1992;

- Về tài sản chung: Một khi đã ly hôn thì tài sản phải được Tòa án phân chia rõ ràng chứ không tự thỏa thuận.

- Về nợ chung: Không có.

Theo Thông báo số 10/TB-TA ngày 18 tháng 12 năm 2024, Tòa án đã yêu cầu ông C làm thủ tục yêu cầu chia tài sản chung và trình bày cụ thể các yêu cầu của mình, nhưng ông C không có văn bản trình bày.

Bị đơn đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, giấy báo, giấy triệu tập và các văn bản tố tụng khác, nhưng ông C không đến trụ sở Tòa án để làm việc, ông C vắng mặt tất cả các lần Tòa án triệu tập.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng:

Ngày 14 tháng 14 năm 2024, Tòa án thụ lý đơn khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H đối với bị đơn ông Đoàn Văn C là tranh chấp

về hôn nhân và gia đình, theo khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự về "*Ly hôn*". Việc thụ lý và giải quyết đơn khởi kiện của Tòa án là đúng thẩm quyền được quy định tại khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Ông C đã được Tòa án tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng không có mặt theo thông báo và giấy triệu tập của Tòa án và vắng mặt không có lý do trong hai lần mở phiên tòa, bà H có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà H , ông C là phù hợp quy định pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H, ông Đoàn Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi số 27 ngày 28 tháng 5 năm 1992. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa bà và ông C là hợp pháp, được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình.

Về mâu thuẫn vợ chồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình chung sống, giữa bà H và ông C có xảy ra mâu thuẫn dẫn đến sống ly thân từ đầu năm 2019 cho đến nay. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập ông C làm việc và tiến hành hòa giải nhằm mục đích động viên bà H và ông C đoàn tụ, nhưng ông C gửi văn bản trình bày ý kiến không rõ ràng và không đến tham gia phiên hòa giải, điều này chứng tỏ ông C không quan tâm đến sự hàn gắn tình cảm trong quan hệ hôn nhân, phù hợp với lời trình bày của bà H về hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị được ly hôn với ông Đoàn Văn C là phù hợp với quy định khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[2.2] Về con chung: Vợ chồng có con chung tên Đoàn Trọng U, sinh ngày 29 tháng 9 năm 1992; anh U đã đủ 18 tuổi và có khả năng tự nuôi sống bản thân nên không xét.

[2.3] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không xét.

[2.4] Về nợ chung: Không có, nên không xét.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm. Theo điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[5] Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án theo Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự 2015;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9; Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông Đoàn Văn C.

2. Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm, được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) bà đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0004092 ngày 14 tháng 11 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Nghĩa Hành, tỉnh Quảng Ngãi.

3. Quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Tòa án tỉnh;
- VKSND huyện Nghĩa Hành;
- Chi cục THADS huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã H, huyện Nghĩa Hành;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Võ Chí Ngãi